

Bài 21: Nguyễn Bình Khiêm

TIỂU SỬ

Nguyễn Bình Khiêm, tên tự là Hạnh Phủ, hiệu là Bạch Vân Cư Sĩ, sinh năm 1491 (Tân Hợi). Quê ở làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại (Vĩnh Bảo), tỉnh Hải Dương, đỗ Trạng Nguyên đời nhà Mạc (1535), làm quan đến Lại Bộ Tả Thị Lang kiêm Đông Các Đại Học Sĩ. Năm 1542, cù xin trí sĩ để du ngoạn, ngâm vịnh văn thơ. Vua nhà Mạc vẫn tôn trọng nên thường hỏi cù về quốc sự. Được phong tước Trình Quốc Công nên cù có tên là *Trạng Trình*. Người đời còn gọi cù là Tuyết Giang Phu Tử. Cù mất năm 1585, thọ 95 tuổi.

Tác Phẩm

Cù trưởng thành vào lúc Mạc Đăng Dung cướp ngôi vua Lê. Khi nhà Lê nổi lại để khôi phục chủ quyền thì nước Đại Việt ta bị chia đôi: Bắc thuộc Mạc, Nam thuộc Lê. Nước loạn, phong hóa suy, lòng người giao động.

Thi ca đạo lý của cù ra đời hợp lúc...

Cù đặt tên nhà ở là Bạch Vân Am nên tác phẩm của cù cũng lấy tên Bạch Vân: ***Bạch Vân Thi Tập*** (viết bằng chữ Hán, gồm 1000 bài thơ tả cảnh và tả tình) và ***Bạch Vân Quốc Ngữ Thi Ca***. Đây là một tập thơ gồm gần 100 bài không có đề mục và viết bằng chữ Nôm.

Trong ***Việt Nam Văn Học Sử Yếu***, Dương Quảng Hàm đã bình luận rất xác đáng tập thơ Nôm này như sau: “*Những bài ấy hoặc vịnh cảnh nhàn tản, hoặc tả thế thái nhân tình để ngụ ý khuyên răn người đời. Lời thơ bình đạm mà có ý vị: những bài vịnh cảnh nhàn thì phóng khoáng thanh tao, rõ ra là phẩm cách một bậc quân tử đã thoát vòng danh lợi mà biết thưởng thức cảnh vật thiên nhiên; còn trong những bài răn đời thì có giọng trào phúng, nhẹ nhàng, kín đáo, tỏ ra một bậc triết nhân đã từng trải việc đời và am hiểu tâm lý người đời. Thật là một lối thơ đặc biệt trong nền văn Nôm của ta. Thơ viết theo thể thất ngôn có xen lẫn những câu lục ngôn.*”

Văn chương Nguyễn Bình Khiêm bao gồm hai loại:

- **Loại vịnh thể thái nhân tình** – Nêu cái bỉ ổi của cuộc đời cái tráo trở của lòng người lấy đó để dạy đời. Ta hãy nghe cụ:

*Được thời thân thích chen chân đến,
Thất thế hương lân ngành mặt đi.*

*Người, của lấy cân ta thử nhắc,
Mới hay rằng của nặng hơn người.*

*Đời nay những trọng người giàu của,
Bằng đến tay không ai kể vì.*

Rồi cụ khuyên ta:

*Chưa dễ ai là bụt Thích Ca.
Mọi điều nhân ngã nhân thì qua.*

*Được thua sau mới ăn năn lại,
Vô sự chẳng hơn có sự ru?*

*Vinh nhục bao phen hấn đã từng,
Lòng người sự thế dửng dưng dưng.*

Khen thì nên tốt; chê nên đại.

Mất ắt chẳng âu, được chẳng mừng.

Có ai biết được lòng tri kỷ.

Vòi vọi non cao nguyệt một vàng.

- **Loại thơ nhàn** – Đọc các bài này, ta thấy cụ khuyên người hãy xa rời cuộc sống, trốn tránh phần nào sự đời. Trên thực tế, loại thơ nhàn biểu hiện tư tưởng yếm thế “ảnh hưởng Đạo Giáo” và thái độ tranh đấu tiêu cực của tác giả trước tình đời và tình thế quốc gia.

Dầu sao, thơ nhàn của cụ cũng thật là thanh thoát, chứa đựng một giá trị đạo đức: ưa điều lành, ghét điều dữ, trọng điều đạo đức nhân nghĩa, chuộng cuộc sống hiền hòa, yêu mến thiên nhiên, cảm thông vạn vật. Ta hãy nghe cụ:

*Trăng thanh gió mát là tương thức,
Nước biếc non xanh ấy cố tri.*

*Hứng ý miệng ngâm câu quốc ngữ,
Giải phiền tay chuốc chén quỳnh xuân.*

Bàn cờ, cuộc rượu vầy hoa chúc,

Bó củi, cần câu, chốn nước non.

Và có thể kết luận tư tưởng của cụ Nguyễn Bình Khiêm bằng hai câu thơ của cụ:

*Thanh nhàn này ắt là tiên khách,
Được thú, ta đà có thú ta.*

BÀI TRÍCH

Thế Thái Nhân Tinh

*Thế gian **biến cải vũng nên đời**,
Mặn, nhạt, chua, cay lẫn ngọt, bùi.
Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử,
Hết cơm, hết gạo, hết ông tôi.
Xưa nay đều trọng người chân thật,
Ai nấy nào ưa **kẻ dãi bôi**.
Ở thế mới hay người bạc ác,
Sang thì tìm đến, **khó** thì lui.*

Chú Thích

Biến cải vũng nên đời:

Chỉ sự thay đổi lớn lao ở đời (như câu: *thương hải biến vi tang điền* – ruộng dâu hóa bể).

Kẻ dãi bôi: Người gian ngoa, mồm mép xảo nguyệt.

Sang: Giàu có, danh vọng.

Khó: Nghèo nàn, túng thiếu.

Giải Thích Và Phê Bình

Bài này thuộc thể văn vần, loại thất ngôn bát cú (thơ Đường luật). Loại văn gốc là văn thuật sự, thể văn: cảm tưởng.

Bố cục của bài này như sau:

- *Hai câu đề:* Cuộc đời là một sự thay đổi, biến chuyển không ngừng.
- *Hai câu thực:* Mĩa mai tâm lý trọng lợi, quên nhân nghĩa của người đời.
- *Hai câu luận:* Ở đời ai cũng chuộng điều chân thật mà ghét sự xảo trá.

- *Hai câu kết:* Tâm địa con người là hèn hạ.

Tâm Lý Tác Giả

Tác giả chứng tỏ là một người sành sỏi việc đời. Đời là một cuộc ngửa nghiêng, điên đảo, đủ mùi, đủ vị. Cái đảo điên ấy đã làm cho ta nhận thấy được thể thái nhân tình chẳng qua là trọng tài, khinh nghĩa, ham lợi, bất nhân.

Tác giả tự thấy giữa hai cái hỗn loạn ấy, chỉ có lấy sự chân thật mà ở đời là hơn cả.

Giá Trị Đạo Đức

Bài học căn bản mà ta có thể rút được ở bài này là lòng chân thật. Dù cho cuộc đời nghiêng ngửa thế nào, lòng chân thật cũng là lẽ sống của con người.

Cuộc đời thật là phức tạp cho nên làm người ở đời phải thấy cái phức tạp ấy (vụ lợi, trọng tài, khinh nghĩa, bạc ác, bất nhân) thấy bao nhiêu hạng người trong xã hội mà căn bản vẫn là:

*Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử.
Hết cơm, hết gạo, hết ông tôi.*

để không bị lừa gạt, lầm lạc.

Giá Trị Văn Chương

- Câu *mặn, nhạt, chua, cay, lẫn ngọt bùi*: Tác giả đã khéo tổng hợp các mùi vị mà diễn tả cái tánh chất cuộc đời, vừa phức tạp, vừa thay đổi luôn; khi thì khổ não (chua cay), khi thì dịu dàng (ngọt bùi), khi thì sâu sắc (mặn), khi thì bạc bẽo (nhạt).

- Câu

*Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử.
Hết cơm, hết gạo, hết ông tôi.*

thật là lời mai mỉa chua chát về thói đời, nêu nổi bật một sự thật trắng trợn và tàn nhẫn.

- Hai câu luận, tác giả diễn ý bình tĩnh, không bực dọc, tỏ rõ thái độ của người quân tử: chán mà không ghét, chê mà không giận, mỉa mai mà vẫn thấy đó là sự thật ở đời.
- Câu “*Sang thì tìm đến, khó thì lui*”, nghe như một tiếng thở dài.

BÀI ĐỌC THÊM

Thơ Nhàn

*Một mai, một cuốc, một cần câu.
Thơ thần nào ai vui thú nào.
Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn, người đến chốn lao xao.
**Thu ăn măng trúc, Đông ăn giá,
Xuân tắm hồ sen, Hạ tắm ao**
*Rượu đến gốc cây ta sẽ nhấp;
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.**

Chú Thích

Bài này trích trong quyển *Bạch Vân Quốc Ngữ Thi*, một tác phẩm gồm độ 100 bài thơ nôm của tác giả, hoàn toàn là loại thơ phóng bút không có đề mục nhất định; trong ấy chú trọng để vịnh cảnh nhàn và bàn về nhân tình thế thái nhiều hơn cả.

Sau này mỗi đoạn thơ trích ra đều có đề mục là do người sau tùy ở nội dung mà cho đề mục riêng mà thôi.

Mai: Một loại như cái xuồng để xấn đất.
Chốn lao xao: Nơi chợ búa, trường tranh danh, đoạt lợi.
Thu ăn măng trúc, Đông ăn giá:
Những món sẵn có của thiên nhiên không cần phải mua.
Phú quý: Giàu sang.
Chiêm bao: Giấc mơ, giấc mộng.

Cảm Hứng

*Non sông nào phải buổi **bình thời**,
Thù đánh nhau chi, thấy mực cười
Cá vực, chim rừng, ai khiến đuổi?
Núi xương, sông huyết, thảm đây nơi.
Ngựa phi chắc có hồi quay cổ,
Thú dữ nên phòng lúc cắn người.
Ngán ngẫm việc đời, chi nói nữa,
Bên **đầm**, say hát, nhớn như chơi!*

Có bản chép: Câu 2: *khéo mực cười*. Câu 4: *thảm đây voi*. Câu 7: *ngán ngán*.

Chú Thích

Nhân những việc biến loạn đời Lê Chiêu Tôn (1516-1524), Mạc Đăng Dung và Trịnh Tuy gây chiến với nhau vì đều muốn tranh quyền... tác giả mới làm bài thơ này.

Bình thời: Thời thái bình không loạn lạc.

Cá vực chim rừng:

Cá ở vực nước sâu, chim ở rừng thẳm. Do câu “*Con rái cá đuổi cá cho vực, con chim cắt đuổi chim cho rừng*” trong sách Mạnh Tử. Vì rái cá đuổi, nên cá phải đến ẩn ở vực sâu; vì con cắt đuổi, nên chim mới phải chạy trốn trong rừng rậm. Cũng vậy, dân chúng bị nạn binh đao khổ sở nên phải trốn lẩn vào chỗ rừng sâu, nơi biển vắng mà vẫn bị rượt đuổi khủng bố.

Đầm: Vùng nước rộng ở cánh đồng.

Có sách nói bài trên đây do Phan Kế Bình dịch ở bài nguyên tác của Nguyễn Bình Khiêm dưới đây:

*Thái hòa vũ trụ bất Ngụ, Chu,
Hỗ chiến giao tranh tiến lưỡng thù,
Xuyên huyết sơn hải tùy xứ hữ,
Uyên ngư từng tước vị thừa khu.
Trùng hưng dĩ bóc độ giang mã.
Hân hoan ưng phòng nhập thất khu,
Thế sự đảo đầu lưu thủy trước,
Túy ngâm trách bạn nhậm nhàn da.*

Dĩ Hòa Vi Quý

Ở thế, đừng tranh tiếng **trượng phu**,
Làm chi cho có sự đôi co.
Đây khôn, đây cậy: đây không nhin;
Đây phải, đây rằng: đây chẳng thua.
Ác no vẫn còn đua với bạng,
Lươn kia hầu dễ kém chi cò.
Chữ rằng: “Nhân dĩ hòa vi quý”.
Vô sự thì hơn, kéo phải lo.

Chú Thích

Trượng phu: Người đàn ông tài giỏi, có khí phách.
Ác no vẫn còn đua với bạng:
Do câu “*bạng duật tương tri, ngư ông đắc lợi*”, nghĩa là: con trai
và con cò níu giữ nhau, thành ra ông lão đánh cá được lợi.

Bỏ Công Danh

Áng công danh **xá cấp tay**,
Nhiều phen đã khỏi tiếng **tai bay**,
Hoa mai bạc vì trăng tỏ,
Bóng trúc thưa bởi gió lay.
Ưu ái chẳng quên **niềm trước**,
Thị phi biếng nói sự nay,
Đã từng trải sơn hà hết,
Đường thế nhiều nơi hiểm hóc thay!

Chú Thích

Xá cấp tay: Hãy khoan tay.
Tai bay: Tai nạn bất ngờ bay tới (tai bay vạ gió).
Ưu ái: Ưu quân, ái quốc: lo cho vua và yêu nước.
Niềm trước: Tâm sự (nỗi niềm) từ trước khi ẩn dật.
Thị phi: Lời đồn đại xuyên tạc.
Đường thế: Đường đời: cuộc sống của xã hội.

Nhệ Đường Danh Lợi

*Được thua thấy đã ít nhiều phen,
Để rẻ công danh đổi lấy nhàn.
Am Bạch Vân rồi nhàn hứng,
Dặm **hồng trần** vắng ngại chen.
Ngày **chầy** họp mặt hoa là khách,
Đêm vắng hay lòng, nguyệt ấy đèn.
Chớ chớ **thờ ơ** nhìn mới biết,
Đỏ thì son đỏ, mực thì đen.*

Chú Thích

Am: Miếu, chùa nhỏ. Đây là cái nhà để ẩn dật nơi vắng vẻ.
Hồng trần: Bụi hồng. Nghĩa bóng: cõi đời.
Ngày chầy: Ngày muộn: Suốt cả ngày.
Thờ ơ: Không để ý.